TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LA GI** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2022
V/v: *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con; Tranh chấp về cấp dưỡng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Mỹ Hằng và ông Nguyễn Hữu Thành;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh - Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, về việc: "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con; Tranh chấp về cấp dưỡng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1985 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh B.
- *Bị đơn:* Ông Trương Công L, sinh năm: 1986 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà và ông Trương Công L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nữa. Bà với ông L sống ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Công L.

Về con chung: Có 02 con chung là Trương Công D, sinh ngày: 26/5/2012 và Trương Quỳnh A, sinh ngày: 24/10/2017. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 con/01 tháng.

Ngày 06/7/2022, bà thay đổi yêu cầu về con chung, đồng ý giao cháu D cho ông L nuôi, còn cháu A thì bà trực tiếp nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trương Công L trình bày: Vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng ông vẫn còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Tòa án nhân dân thị xã L nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông Trương Công L vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông L; Về con chung: Giao cháu D cho ông L nuôi, còn cháu A thì bà H trực tiếp nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không giải quyết do các đương sự không yêu cầu. Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng với ông Trương Công L. Ông L đang cư trú tại xã T, thị xã L, tỉnh B. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Trương Công L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Nội dung vụ án

[2.1] Hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trương Công L đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh B nên hôn nhân giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà H cho rằng ông L thường xuyên đánh đập bà, không quan tâm đến gia đình, bà đã về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng đà sống ly thân từ năm 2021. Bà khẳng định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn với ông L. Ông L cho rằng ông vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn, tuy nhiên ông không đưa ra được phương pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn quan hệ vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân thể hiện *"...bà H và ông L có xãy ra nhiều mâu thuẫn, cải nhau trong gia đình, hiện đã sống ly thân với nhau"*. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông L.

[2.2] Con chung:

Có 02 con chung là Trương Công D, sinh ngày: 26/5/2012 và Trương Quỳnh A, sinh ngày: 24/10/2017. Bà H yêu cầu được nuôi cả hai con. Tại đơn ngày 06/7/2022 và tại phiên tòa, bà H đồng ý giao cháu D cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H sẽ nuôi cháu A. Đây là sự tự nguyện của bà H, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D và xác minh của Tòa án nhân dân thị xã L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H: Cháu D sẽ giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu A thì bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Án phí: Bà H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trương Công L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Quỳnh A, sinh ngày: 24/10/2017. Ông Trương Công L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Công D, sinh ngày: 26/5/2012. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trương Công L được quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004903 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Công L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND xã T, Tx. L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phương